

Số: 319/KH-THCSLP

Thành phố Thủ Đức, ngày 23 tháng 9 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### **Thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 của Trường THCS Long Phước**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Công văn số 4299/UBND-VX 31 ngày 07 tháng 08 năm 2024 về triển khai Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 4300/UBND-VX ngày 31 tháng 7 năm 2024 về triển khai Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên

Căn cứ Công văn số 8630/UBND-GDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn thành phố Thủ Đức;

Căn cứ Công văn số 1776/GDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và tiếp nhận giấy xác nhận cho học sinh thuộc diện hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo năm học 2024-2025;

Trên cơ sở ý kiến góp ý của cha mẹ học sinh ngày 22 tháng 9 năm 2024 về góp ý dự thảo kế hoạch thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 của Trường THCS Long Phước;

Nay Trường THCS Long Phước xây dựng kế hoạch thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 như sau:

### **I. Về mức thu và sử dụng học phí**

Từ năm học 2024 – 2025, áp dụng mức thu học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

Đv tính: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền	Thu theo tháng/hk/nh	Ghi chú
1	Học phí	60.000	Tháng	Khối 6, 7, 8 và 9

- Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (học online) bằng 50% mức thu học phí đã được ban hành. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

## II. Về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác

### 1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND

Đv tính: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền	Thu theo tháng/hk/nh	Ghi chú	
1	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu	25.000	Năm	Khối 6, 7, 8 và 9	
2	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Sổ liên lạc điện tử	120.000	Năm	Khối 6, 7, 8 và 9
	Điểm danh bằng nhận diện khuôn mặt	50.000	Năm	Khối 6, 7, 8 và 9	

### 2. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác

- Thực hiện theo Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định: “1. Cơ sở giáo dục được quyết định các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.”

- Nhà trường trực tiếp quyết định các hoạt động giáo dục trong chương trình nhà trường đảm bảo đúng quy định và theo hướng dẫn tại Công văn số 5307/SGDDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nội dung và mức thu đảm bảo có tính kế thừa đã tổ chức hướng dẫn thực hiện theo quy định từ năm học 2023-2024, căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của học sinh để xây dựng dự toán thu - chi cho từng nội dung thu làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể, đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ và sử dụng các khoản thu đúng mục đích; thực hiện công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến phụ huynh học sinh trước khi thực hiện. Mức thu đảm bảo tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo. Tỷ lệ

tăng mức thu năm học 2024-2025 (nếu có) không quá 15% so với mức thu đã thực hiện năm học 2023-2024. Cụ thể như sau:

**2.1. Khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác của chương trình nhà trường:**

- Đối với thực hiện tổ chức dạy 2 buổi/ngày: Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

- Đối với các hoạt động giáo dục khác trong chương trình nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục; đáp ứng nhu cầu của gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh; tăng cường giáo dục kiến thức, giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh để tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục khác như:

+ Tiền tổ chức các lớp học tăng cường Ngoại ngữ, tổ chức dạy Tin học.

+ Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống chương trình nhà trường.

Đv tính: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền	Thu theo tháng/hk/nh	Ghi chú
1	Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	120.000	Tháng	Khối 6, 7, 8, 9 (5 ngày/ tuần)
2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	75.000	Tháng	Khối 6 và 7
		70.000	Tháng	Khối 8 và 9
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	120.000	Tháng	Khối 7 và 8
		100.000	Tháng	Khối 6 và 9

- Khoản thu tổ chức giáo dục năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (100.000 đồng/hs/tháng): Nhà trường chỉ tổ chức thực hiện vào thứ Bảy hàng tuần đối với khi có học sinh tự nguyện đăng ký tham gia, không bắt buộc.

- Khoản thu tổ chức Giáo dục STEM (80.000 đồng/hs/tháng): Không thực hiện dạy đại trà ở các khối 6, 7, và 8 vì không được sự đồng thuận hợp tác của PHHS (48.89%) mà tổ chức dạy vào thứ Bảy hàng tuần đối với những học sinh đăng ký tham gia khoá học, không bắt buộc.

**2.2. Khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án**

Về tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030":

Khoản thu tổ chức Tin học theo định hướng chuẩn quốc tế (150.000 đồng/hs/tháng): Không thực hiện dạy đại trà ở khối 8 và 9 vì không được sự

đồng thuận hợp tác của PHHS (43.40%) mà tổ chức dạy vào thứ Bảy hàng tuần đối với những học sinh đăng ký tham gia khoá học, không bắt buộc.

### 2.3. Các khoản thu cho cá nhân học sinh

Thông nhất chủ trương với phụ huynh học sinh để lựa chọn đơn vị cung cấp theo quy định và mua sắm phục vụ trực tiếp cho từng cá nhân học sinh học tập, sinh hoạt như: Quần áo đồng phục, quần áo thể dục thể thao, học phẩm học cụ, ấn chỉ đề kiểm tra và nước uống.

Đv tính: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền	Thu theo tháng/hk/nh	Ghi chú
1	Học phẩm (ấn chỉ hồ sơ học sinh, ấn chỉ đề kiểm tra, học phẩm...)	30.000	Năm học	Khối 6, 7, 8 và 9
2	Tiền nước uống	20.000	Tháng	Khối 6, 7, 8 và 9

- Tiền mua sắm đồng phục học sinh (Quần áo đồng phục: 320.000 đồng/hs/bộ; Quần áo đồng phục thể thao: 185.000 đồng/hs/bộ): Phụ huynh học sinh có nhu cầu mua hoặc tự may, không bắt buộc.

- Tiền trông giữ xe học sinh (Xe đạp: 1.000 đồng/hs/ngày; Xe đạp điện: 2.000 đồng/hs/ngày): Học sinh có nhu cầu giữ xe, không bắt buộc.

### 2.4. Về khoản thu bảo hiểm y tế

Đv tính: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền	Thu theo tháng/hk/nh	Ghi chú
1	Bảo hiểm y tế	884.520	Năm	Khối 6, 7, 8 và 9

### 2.5. Các khoản thu theo từng tháng của năm học 2024 – 2025

Đv tính: Đồng

CÁC KHOẢN THU THEO TỪNG THÁNG HOẶC HỌC KỲ	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
Tháng 9/2024	1.485.000	1.505.000	1.500.000	1.480.000
Tháng 10/2024	375.000	395.000	390.000	370.000
Tháng 11/2024	375.000	395.000	390.000	370.000
Tháng 12/2024	375.000	395.000	390.000	370.000
<b>Học kỳ I</b>	<b>2.610.000</b>	<b>2.690.000</b>	<b>2.670.000</b>	<b>2.590.000</b>

Tháng 01/2025	375.000	395.000	390.000	370.000
Tháng 02/2025	375.000	395.000	390.000	370.000
Tháng 3/2025	375.000	395.000	390.000	370.000
Tháng 4/2025	375.000	395.000	390.000	370.000
Tháng 5/2025	200.000	200.000	200.000	200.000
<b>Học kỳ II</b>	<b>1.700.000</b>	<b>1.780.000</b>	<b>1.760.000</b>	<b>1.680.000</b>

**Lưu ý:**

- Phụ huynh học sinh đóng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo từng tháng hoặc theo học kỳ (năm dương lịch), không đóng cả năm học.

- Tháng 9/2024: Bao gồm các khoản thu học phí, khám sức khỏe ban đầu, sổ liên lạc điện tử; điểm danh bằng nhận diện khuôn mặt, học phí 2 buổi/ngày, học Kỹ năng sống, học ngoại ngữ với người nước ngoài, học phẩm, nước uống, bảo hiểm y tế.

Thực hiện theo công văn số 4660/BGDĐT-CTHSSV ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì phụ huynh có thể đóng bảo hiểm y tế cho học sinh 6 tháng một lần.

- Từ tháng 10/2024 đến tháng 4/2025: Bao gồm các khoản thu học phí, học phí 2 buổi/ngày, học Kỹ năng sống, học ngoại ngữ với người nước ngoài, nước uống.

- Tháng 5/2025: Bao gồm các khoản thu học phí, học phí 2 buổi/ngày, nước uống.

**3. Cơ chế quản lý và sử dụng các khoản thu**

- Xây dựng Dự toán thu - chi cho từng nội dung thu, làm cơ sở cho việc tính toán mức thu cụ thể đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế năm học.

Riêng đối với các các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác quy định tại Công văn số 8630/UBND-GDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức mới phát sinh hoặc lần đầu tổ chức: chủ động xây dựng Dự toán thu chi hợp lý (đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ), mức thu phải phù hợp với mặt bằng mức thu đang thực hiện của các cơ sở giáo dục cùng cấp học trên địa bàn. Từ năm học 2025-2026 trở đi, tỷ lệ tăng mức thu năm học (nếu có) không quá 15% so với mức thu đã thực hiện năm học liền kề trước đó.

Căn cứ nội dung theo các hướng dẫn chuyên môn của ngành giáo dục về thực hiện các chương trình dạy học, chương trình ngoại khóa và các nội dung khác theo quy định (đính kèm chi tiết hướng dẫn theo từng bậc học Phụ lục 3-4-

5-6 theo Công văn số 5307/SGDDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh) xây dựng dự toán lưu ý một số nội dung cụ thể như sau:

+ Về Dự toán thu - chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác (không bao gồm học phí): phải xây dựng Dự toán trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh, các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi triển khai thực hiện.

+ Đơn vị phát hành biên lai thu tiền, hóa đơn cho học sinh khi thu tiền và lưu ý giãn thời gian thực hiện các khoản thu, không tổ chức thu gộp nhiều khoản trong cùng một thời điểm.

- Thời gian thu phải đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học nhưng không vượt quá khung thời gian quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định về Kế hoạch thời gian năm học của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các cơ sở giáo dục công lập có chế độ miễn, giảm phù hợp đối với học sinh thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn

### **III. Đối với các khoản huy động tài trợ, ủng hộ tự nguyện và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh**

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Tiếp tục thực hiện quy định tại Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2466/SGDDĐT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc tiếp nhận tài trợ cho các cơ sở giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

**Đơn vị tính: đồng**

<b>Stt</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Thu theo tháng/hk/nh</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Kinh phí hỗ trợ hoạt động giáo dục của cha mẹ học sinh	140.000.000	Năm học	Trên tinh thần tự nguyện
2	Tài trợ	Không thu		

#### **IV. Về công tác hạch toán và thực hiện nghĩa vụ thuế**

- **Về hạch toán kế toán:** Tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, thực hiện theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- **Về thực hiện nghĩa vụ thuế:** Thực hiện kê khai, nộp thuế đối với khoản thu từ học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác theo đúng quy định của pháp luật thuế. Thực hiện theo quy định Công văn số 1608/CTTPHCM-TTHT ngày 01 tháng 02 năm 2024, Công văn số 13579/CT-TTHT ngày 19 tháng 10 năm 2020 và Công văn số 7910/CTTPHCM-TTHT ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **V. Về chế độ miễn, giảm học phí, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và hỗ trợ chi phí học tập**

Tiếp tục thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh năm học 2024-2025 theo các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành cụ thể như sau:

- Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Công văn số 82/BCĐCTGNBVTP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố về việc cấp Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận cho học sinh, sinh viên, Giấy đề nghị hỗ trợ và Đơn đăng ký học nghề cho lao động diện hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023;

- Công văn số 794/SGDDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;

- Công văn số 1406/SGDDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo.

- Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố;

- Hướng dẫn số 9801/HD-SLĐTBXH ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 1776/GDDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và tiếp nhận giấy xác nhận cho học sinh thuộc diện hộ

**1. Về tiếp nhận Giấy xác nhận đối tượng học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2021- 2025:**

Nhà trường chỉ nhận Giấy xác nhận (GXN) theo mẫu tại Phụ lục GXN (đính kèm phụ lục). Không nhận giấy xác nhận khác mẫu này, phụ huynh gửi khác mẫu yêu cầu phụ huynh liên hệ phường làm lại theo đúng mẫu Phụ lục GXN.

**2. Về thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí:**

**2.1. Chính sách miễn học phí:**

2.1.1 Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Con (con đẻ, con nuôi) của người có công theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh).

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

g) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;

h) Bệnh binh;

i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

2.1.2. Học sinh khuyết tật.

2.1.3. Học sinh không có nguồn nuôi dưỡng, mồ côi.

a. Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b. Học sinh phổ thông công lập mồ côi cha hoặc mẹ đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú), Thời gian thực hiện từ 01 tháng 01 năm 2024 (Theo Nghị quyết 35/2023/NQ-HĐND):

+ Mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đã tử vong (chưa được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).

+ Mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại có mức thu nhập bằng hộ nghèo, hộ cận nghèo (thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo TP.HCM).

2.1.4. Học sinh phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo TP.HCM.

2.1.5. Học sinh phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ (con đẻ, con nuôi hợp pháp của Công an, cấp bậc: hạ sĩ quan, binh sĩ...).

2.1.6. Học sinh phổ thông là người dân tộc Chăm, Khmer và học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số khác thuộc hộ cận nghèo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

\* *Hồ sơ:*

a) Đơn đề nghị miễn tiền đóng học phí:

Đối với các đối tượng thuộc diện được miễn học phí học giáo dục phổ thông: Mẫu đơn theo Phụ lục II.

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn học phí:

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với (Đối tượng 2.1.1) và giấy khai sinh.

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với (Đối tượng 2.1.2).

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với (Đối tượng 2.1.3); trường hợp học sinh là đối tượng được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết 35/2023/NQ-HĐND nhưng chưa có Quyết định về việc trợ cấp, cơ sở giáo dục hỗ trợ học sinh trong thời gian hoàn tất thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ và lập danh sách học sinh cùng Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo và giấy khai tử của cha hoặc mẹ hoặc người nuôi dưỡng của học sinh gửi về phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thông qua phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho (Đối tượng 2.1.4);

- Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng đối với (Đối tượng 2.1.5) và giấy khai sinh.(tham khảo Mẫu số 02 -Tờ khai hưởng chế độ miễn học phí)

- Giấy khai sinh (dân tộc Chăm, Khmer) hoặc Giấy xác nhận HCN dân tộc thiểu số khác (Đối tượng 2.1.6).

## **2.2. Các đối tượng được giảm 50% học phí:**

2.2.1. Học sinh là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

2.2.2. Học sinh phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo và hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo trên địa bàn TP.HCM.

\* *Hồ sơ:*

a) Đơn đề nghị giảm tiền đóng học phí:

Đối với các đối tượng thuộc diện được giảm học phí học giáo dục phổ thông: Mẫu đơn theo Phụ lục II.

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng giảm học phí đối với các đối tượng sau:

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng 2.2.1.

- Giấy xác nhận hộ cận nghèo, hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp phường cấp cho đối tượng 2.2.2.

## **2.3. Chính sách miễn, giảm tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:**

2.3.1. Học sinh là thành viên hộ nghèo Tp.HCM đang học tại các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn Tp.HCM

+ Khối Trung học cơ sở: 80.000 đồng/học sinh/tháng.

2.3.2. Học sinh là thành viên thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo TP.HCM đang học tại các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn TP.HCM.

+ Khối Trung học cơ sở: 40.000 đồng/học sinh/tháng.

- Mức cấp bù tiền tổ chức học 02 buổi/ngày tiếp tục thực hiện theo Công văn số 5846/UBND-VX ngày 27/12/2018 đến khi có hướng dẫn mới thay thế.

\* *Hồ sơ:*

a) Đơn đề nghị miễn, giảm tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

Đối với các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí học giáo dục phổ thông: Mẫu đơn theo Phụ lục II;

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với các đối tượng sau:

Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo trên địa bàn TP.HCM do Ủy ban nhân dân cấp phường cấp đối tượng 2.3.1 và 2.3.2.

#### **2.4. Hỗ trợ chi phí học tập: mức hỗ trợ 150.000 đồng/học sinh/tháng**

2.4.1. Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

2.4.2. Học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên bị khuyết tật.

2.4.3. Học sinh là thành viên thuộc hộ nghèo TP.HCM đang theo học trung học cơ sở.

\* *Hồ sơ:*

a) Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập:

Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập học giáo dục phổ thông: Mẫu đơn theo Phụ lục III;

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng sau:

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ đối tượng 2.4.1.

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân phường cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp thành phố Thủ Đức hoặc quận, huyện đối với học sinh bị khuyết tật đối tượng 2.4.2.

- Giấy chứng nhận hộ nghèo Tp.HCM đối tượng 2.4.3.

*Lưu ý:*

+ Đối với học sinh phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ các giấy tờ liên quan nói trên kèm đơn theo mẫu (Phụ lục IV).

+ Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

## **VI. Về thanh toán không dùng tiền mặt**

Thực hiện theo Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục và Kế hoạch số 4066/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025;

Để đảm bảo pháp lý đúng quy định theo các văn bản hướng dẫn đã được ban hành, đồng thời có sự thay đổi trong phương thức thanh toán chuyển từ thẻ sang ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin, thông qua các dịch vụ thanh toán tiện ích của ngân hàng (thanh toán qua thiết bị di động, thanh toán qua internet, ví điện tử, dịch vụ thanh toán hóa đơn,...) cho phép người dùng có thể truy cập các ứng dụng trên internet, mobile để thực hiện thanh toán; dữ liệu thông tin thanh toán (số tiền, mã số học sinh, sinh viên ...) ghi nhận một cách chính xác, rõ ràng và hệ thống. Lưu ý sử dụng đúng tên *Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025* trong các văn bản triển khai.

- Thực hiện kết nối với các hệ thống thanh toán được cấp phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hệ thống thanh toán phải bảo đảm tuân thủ các quy định, hướng dẫn hiện hành của Nhà nước về trao đổi dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Đa dạng hóa các kênh thanh toán; tạo mọi điều kiện để cha mẹ học sinh có nhiều sự lựa chọn và thuận tiện trong thanh toán.

- Thực hiện thu học phí và các khoản thu khác bằng phương thức không dùng tiền mặt với hình thức thông qua sử dụng “Phần mềm quản lý Ưu Việt” và ngân hàng Agribank thanh toán và ưu tiên các giải pháp thanh toán trên thiết bị di động, liên kết tài khoản 6300201035569, Ngân hàng Agribank chi nhánh 9 (lưu ý: Ghi rõ tên học sinh, lớp, đóng tiền học... ..)

## **VII. Về công khai các khoản thu**

Thực hiện công khai về cam kết đầy đủ chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện cơ sở vật chất và mức thu học phí, các khoản thu khác, phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Tất cả các khoản thu phải được các đơn vị thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến phụ huynh, học sinh; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng học sinh, không giao cho giáo viên trực tiếp thu, chi tiền và đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

## **VIII. Tổ chức thực hiện:**

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung trên. Việc sử dụng các khoản thu phải đúng mục đích thu, công khai kế hoạch thu – chi của từng khoản thu đến cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện và thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Thực hiện quản lý nguồn cải cách tiền lương theo đúng quy định tại Điều 3 Thông tư số 62/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính:

+ Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 (Bao gồm kinh phí ngân sách hỗ trợ mức thu học phí cho các cơ sở giáo dục công lập). Phạm vi trích số thu được quy định cụ thể tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư số 62/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Đối với số thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác: Sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định).

- Danh mục các khoản thu phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định, mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời.

- Các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi thực hiện và khi thu phải cấp hóa đơn, biên lai thu tiền cho từng học sinh; thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 của Trường THCS Long Phước. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các bộ phận phản ánh kịp thời về Hiệu trưởng để được hướng dẫn cụ thể./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD-ĐT TPTĐ;
- Hội đồng trường;
- BDD CMHS;
- Bộ phận tài vụ;
- Lưu: VT, HS.



**Nguyễn Thị Mộng Hoa Phượng**